

Số: 37/NQ-HĐT

Nghệ An, ngày 11 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động
của Trường Đại học Y khoa Vinh**

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Vinh;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Vinh nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 05/7/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Vinh nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp lần thứ sáu số 35/NQ-HĐT ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Vinh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh”.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/QĐ-ĐHYKV ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Nghệ An;
- Đảng ủy;
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỞNG
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thanh Tâm

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐT ngày 11 tháng 9 năm 2023
của Hội đồng trường Trường ĐHYK Vinh)

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh (sau đây gọi tắt là Trường) bao gồm: Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức, thủ tục quyết định nhân sự lãnh đạo, quản lý và cơ chế tài chính.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; viên chức, người lao động, người học của Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí pháp lý

Trường Đại học Y khoa Vinh là cơ sở giáo dục đại học công lập, nằm trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng của cả nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục & Đào tạo, chịu sự quản lý về nội dung đào tạo chuyên ngành của Bộ Y tế, được hưởng các chế độ chính sách của nhà nước áp dụng cho hệ thống các trường đại học, cao đẳng, là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 3. Thông tin về trường

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Y khoa Vinh (viết tắt là: ĐHYK Vinh).
- Tên tiếng Anh: Vinh Medical University (viết tắt là: VMU).
- Địa chỉ (trụ sở chính): Số 161, Nguyễn Phong Sắc, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại : (84 238) 3 524062. - Số Fax: (84 238) 3 848853.
- E-mail: vmu@vmu.edu.vn - Website: <http://www.vmu.edu.vn>
- Logo của Trường:



Điều 4. Sứ mạng, tầm nhìn, định hướng phát triển, giá trị cốt lõi

1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Tầm nhìn đến năm 2030

Xây dựng Trường trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ cao đảm bảo chất lượng, là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về y dược có uy tín.

3. Định hướng phát triển

Xây dựng Trường trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng. Xây dựng và vận hành hệ thống quản trị chất lượng giáo dục trên cơ sở bộ chuẩn, tác động vào tất cả các lĩnh vực của nhà trường và tất cả các giai đoạn của quá trình đào tạo, nhằm tạo ra những sản phẩm của quá trình đào tạo có chất lượng tốt nhất, hướng tới cộng đồng và phục vụ cộng đồng.

4. Giá trị cốt lõi

“Chuyên nghiệp - Chất lượng - Hội nhập - Phát triển”.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chức năng

Trường có chức năng đào tạo và bồi dưỡng người học có trình độ đại học, sau đại học trong lĩnh vực y tế, nghiên cứu và phát triển khoa học sức khỏe góp phần phát triển nền y học, nhằm phục vụ sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

- Trường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 28, Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13.

- Ngoài ra Trường có nhiệm vụ phát triển bệnh viện trực thuộc Trường trên cơ sở là bệnh viện thực hành, có nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; khám chữa bệnh và cung cấp các dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của Trường

1. Quyền tự chủ

Trường thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Khoản 17, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14 (sau đây viết tắt là Luật số 34/2018/QH14); các khoản 1,2,3, Điều 13, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Luật số 34/2018/QH14 (sau đây viết tắt là Nghị định số 99/2019/ND-CP) và các văn bản pháp quy có liên quan.

2. Trách nhiệm giải trình

Trường thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Khoản 17, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14; Khoản 4, Điều 13, Nghị định số 99/2019/ND-CP và các văn bản pháp quy khác có liên quan.

Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể và tổ chức xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

3. Ban Thanh tra nhân dân do Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bầu gồm từ 03 đến 09 thành viên theo đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn Trường, có nhiệm kỳ 02 năm. Thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo Điều 60, 61, 62 Luật số 10/2022/QH15 – Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Trường có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Ban Thanh tra nhân dân được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

Chương II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Mục 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 8. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm:

1. Hội đồng trường;
2. Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng;
3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
4. Các Hội đồng tư vấn, Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học;
5. Các phòng chức năng:
 - 5.1. Phòng Đào tạo.
 - 5.2. Phòng Đào tạo sau Đại học.
 - 5.3. Phòng Công tác sinh viên và Quản lý Ký túc xá.
 - 5.4. Phòng Khoa học và Đối ngoại.
 - 5.5. Phòng Hành chính - Quản trị vật tư trang thiết bị.
 - 5.6. Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng.

5.7 Phòng Tổ chức - Tổng hợp.

5.8. Phòng Tài chính - Kế toán.

5.9. Phòng Công nghệ thông tin.

6. Các khoa đào tạo và bộ môn:

6.1. Khoa Khoa học cơ bản, gồm 05 bộ môn:

6.1.1. Toán - Tin.

6.1.4. Chính trị.

6.1.2. Lý - Hoá - Sinh.

6.1.5. Giáo dục thể chất

6.1.3. Ngoại ngữ.

6.2. Khoa Y cơ sở, gồm 07 bộ môn:

6.2.1. Giải phẫu.

6.2.5. Sinh lý bệnh - Miễn dịch.

6.2.2. Mô phôi tế bào.

6.2.6. Vi sinh - Ký sinh trùng;

6.2.3. Giải phẫu bệnh.

6.2.7. XN - Hoá sinh - Huyết học.

6.2.4. Sinh lý.

6.3. Khoa Dược, gồm 04 bộ môn:

6.3.1. Dược lý - Dược lâm sàng.

6.3.3. Bào chế.

6.3.2. Quản lý - Dược liệu.

6.3.4. Phân tích - Kiểm nghiệm.

6.4. Khoa Điều dưỡng, gồm 02 bộ môn:

6.4.1. Điều dưỡng I.

6.4.2. Điều dưỡng II.

6.5. Khoa Y, gồm 18 bộ môn:

6.5.1. Nội tổng hợp.

6.5.10. Chẩn đoán hình ảnh.

6.5.2. Nội tim mạch.

6.5.11. Ngoại tổng hợp

6.5.3. Hồi sức cấp cứu.

6.5.13. Gây mê.

6.5.4. Nhi.

6.5.14. Chấn thương.

6.5.5. Y học cổ truyền.

6.5.15. Ung thư.

6.5.6. Tâm thần kinh.

6.5.16. Phụ sản.

6.5.7. Lao và bệnh phổi.

6.5.17. Tai mũi họng.

6.5.8. Da liễu.

6.5.18. Răng hàm mặt.

6.5.9. Truyền nhiễm.

6.5.19. Mắt.

6.6. Khoa Y tế công cộng, gồm 04 bộ môn:

6.6.1. Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm.

6.6.2. Giáo dục sức khỏe.

6.6.3. Tổ chức và Quản lý y tế.

6.6.4. Dịch tễ - Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp.

7. Các trung tâm, đơn vị:

- 7.1. Trung tâm Thông tin - Thư viện.
- 7.2. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ.
- 7.3. Trung tâm Mô phỏng tiền lâm sàng.
- 7.4. Viện Y tế công cộng.

8. Đơn vị trực thuộc: Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Vinh.

9. Tạp chí Y dược học.

Trong quá trình phát triển, Trường có thể thành lập mới, sáp nhập, chia tách hoặc giải thể các đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển Trường, theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hội đồng trường

Hội đồng trường (HĐT) của Trường được thành lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành (Luật số 34/2018/QH14).

Tiêu chuẩn, số nhiệm kỳ, việc ủy quyền của chủ tịch HĐT; Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục bầu, miễn nhiệm thư ký HĐT; Số lượng, cơ cấu thành viên; việc bổ sung, thay thế thành viên; hình thức quyết định của HĐT đối với từng loại hoạt động; Ngân sách hoạt động, Thường trực HĐT, ban giám sát và các ban chuyên trách của HĐT; thủ tục, thành phần của hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của Trường được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học và được cụ thể hóa tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐT.

Điều 10. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của Trường theo các quy định của pháp luật và quy chế này.

Hiệu trưởng do HĐT quyết định và được UBND tỉnh Nghệ An công nhận. Trường hợp người bên ngoài Trường được quyết định và công nhận giữ chức vụ hiệu trưởng thì sau khi được công nhận, hiệu trưởng phải là viên chức cơ hữu của Trường. Nhiệm kỳ hoặc thời gian bổ nhiệm của hiệu trưởng do HĐT quyết định trong phạm vi nhiệm kỳ của HĐT.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Hiệu trưởng: Thực hiện theo quy định tại khoản 14, Điều 1, Luật 34/2018/QH14; Điều 44, Nghị định 115/2020/NĐ-CP; Điều 15, Quy định 18-QĐ/TU; Quy định 3702-QĐ/TU. Cụ thể như sau:

a) Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, Nhà nước (Tiểu mục 1, 2.21, mục I, Quy định 3702-QĐ/TU).

b) Có trình độ tiến sĩ, cao cấp lý luận chính trị, có uy tín khoa học và kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học;

c) Được cấp có thẩm quyền quy hoạch vào chức danh Hiệu trưởng hoặc tương

đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Có thời gian đang giữ chức vụ đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm (24 tháng). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh.

f) Độ tuổi: nếu là bổ nhiệm lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn một (1) nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

g) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao.

h) Không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật khi ở chức vụ tương đương hoặc thấp hơn (12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách, 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo, 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức kể từ ngày ký quyết định kỷ luật).

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng: Thực hiện theo quy định tại khoản 14, Điều 1, Luật 34/2018/QH14. Cụ thể như sau:

a) Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Trường;

b) Tổ chức thực hiện hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, hợp tác trong nước, quốc tế, hoạt động khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quyết định của HĐT;

c) Trình văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của HĐT sau khi tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Trường; ban hành quy định khác của Trường theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

d) Đề xuất HĐT xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của HĐT; thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý khác của Trường, quyết định dự án đầu tư theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

đ) Hàng năm, báo cáo trước HĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng, BGH, tài chính, tài sản của Trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

e) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐT và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức có liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với chức vụ Hiệu trưởng: Thực hiện theo các quy định tại Điều 19, 28, Quy định 18-QĐ/TU; Điều 46, 47, 51, 52, 54, 55, Nghị định 115/2020/NĐ-CP; khoản 6, Điều 7, Nghị định 99/2019/NĐ-CP.

Điều 11. Phó hiệu trưởng

1. Phó hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng thực hiện quản lý, điều hành một số lĩnh vực công tác và phụ trách một số đơn vị theo sự phân công của Hiệu trưởng; được thay mặt Hiệu trưởng giải quyết các công việc, báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước Hội đồng trường và trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công.

2. Phó hiệu trưởng do HĐT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Phó hiệu trưởng là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Trường hợp người được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Phó hiệu trưởng thì sau khi bổ nhiệm, Phó hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của Trường.

Số lượng Phó hiệu trưởng: tối đa 03 người.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó hiệu trưởng

Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó hiệu trưởng tương tự tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Hiệu trưởng, thực hiện theo Khoản 2, Điều 10 của Quy chế này.

4. Nhiệm kỳ, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với chức vụ Phó Hiệu trưởng tương tự như với Hiệu trưởng, thực hiện theo Khoản 4, Điều 10 của Quy chế này.

Điều 12. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Thực hiện theo Điều 19, Luật số 08/2012/QH13 - Luật Giáo dục Đại học. Cụ thể như sau:

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo được thành lập theo quyết định của hiệu trưởng, có nhiệm vụ tư vấn cho hiệu trưởng về việc xây dựng:

- a) Quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm;
- b) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Trường;
- c) Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; định hướng phát triển, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo gồm: hiệu trưởng; các phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo, nghiên cứu khoa học; trưởng các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học; các nhà khoa học có uy tín đại diện cho các lĩnh vực, ngành chuyên môn.

3. Hiệu trưởng quyết định số lượng thành viên, tỷ lệ thành phần, thủ tục lựa chọn thành viên, ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Chủ tịch Hội đồng do các thành viên Hội đồng bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng đồng ý; Chủ tịch Hội

đồng chỉ định Thư ký Hội đồng trong số các thành viên của Hội đồng. Chế độ của Chủ tịch, Thư ký và các thành viên Hội đồng được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

4. Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ hoặc đột xuất do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên Hội đồng ít nhất 03 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết đồng ý. Biên bản của cuộc họp phải được trình lên Hiệu trưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

Điều 13. Hội đồng tư vấn, Hội đồng đạo đức

1. Hội đồng tư vấn

Hiệu trưởng có thể thành lập Hội đồng/Ban tư vấn để tư vấn về một số nội dung liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường. Hội đồng/Ban tư vấn làm theo vụ việc và không hưởng lương. Hội đồng/Ban tư vấn có thể gồm các thành viên trong Trường, thành viên ngoài Trường đang hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến các hoạt động của Trường.

Việc thành lập, hoạt động và nhiệm vụ của Hội đồng/Ban tư vấn tư vấn do Hiệu trưởng quyết định.

2. Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học

Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường do Hiệu trưởng thành lập theo quy định tại Thông tư 04/TT-BYT ngày 05/3/2020 của Bộ Y tế, có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng xem xét, thẩm định về khía cạnh đạo đức và khoa học của các nghiên cứu y sinh học liên quan đến con người làm cơ sở phê duyệt, triển khai và nghiệm thu nghiên cứu y sinh học.

Hội đồng đạo đức hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng do Hiệu trưởng phê duyệt, phù hợp với Thông tư 04/TT-BYT ngày 05/3/2020 của Bộ Y tế.

Điều 14. Khoa

1. Khoa là đơn vị chuyên môn thuộc Trường, được HĐT quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể theo đề nghị của Hiệu trưởng trên cơ sở yêu cầu thực tiễn của Trường.

2. Khoa có các nhiệm vụ sau đây:

a) Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc khoa theo phân cấp của hiệu trưởng;

b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của trường, bao gồm: Phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng

chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được trường giao nhiệm vụ, tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở thực hành thực tập liên quan đến ngành nghề đào tạo;

d) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc khoa;

e) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của Trường.

3. Cơ cấu tổ chức của khoa gồm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa; Hội đồng khoa; bộ môn; tổ chức Đảng, đoàn thể được thành lập theo Điều lệ Đảng và điều lệ các tổ chức tương ứng.

4. Trưởng khoa, phó trưởng khoa

a) Trưởng khoa là người quản lý và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các mặt công tác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao của Khoa.

Trưởng khoa là giảng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo, lý luận chính trị trung cấp trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý. Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Phó trưởng khoa là giảng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trình độ thạc sĩ trở lên, lý luận chính trị trung cấp trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý.

c) Số lượng Phó trưởng khoa: có 07 đến 09 người làm việc là viên chức được bố trí 01 cấp Phó; có từ 10 người làm việc là viên chức trở lên được bố trí không quá 02 cấp Phó.

d) Quy trình bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng khoa, phó trưởng khoa được thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Hội đồng khoa

a) Hội đồng khoa được thành lập để tư vấn cho trưởng khoa trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại Khoản 1 Điều này; tư vấn cho trưởng khoa trong đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của khoa.

b) Hội đồng khoa có Chủ tịch hội đồng khoa và các thành viên do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa; có số lượng thành viên là số lẻ, tối thiểu 7 thành viên, gồm: Trưởng khoa, các phó trưởng khoa, các trưởng bộ môn, một số giảng viên, nghiên cứu viên trong khoa là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và một số thành viên bên ngoài khoa, ngoài trường có trình độ và kinh nghiệm liên quan đến phát triển chuyên môn của khoa (nếu cần thiết);

c) Chủ tịch hội đồng khoa do hội đồng khoa bầu trong số các thành viên hội đồng khoa theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa đồng ý;

d) Hội đồng khoa họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ do Chủ tịch hội đồng khoa triệu tập.

Điều 15. Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn về đào tạo, khoa học và công nghệ của một hoặc một số ngành, chuyên ngành đào tạo trực thuộc khoa, tham mưu cho lãnh đạo khoa và Nhà trường xây dựng nội dung chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy của bộ môn.

2. Nhiệm vụ

a) Chịu trách nhiệm xây dựng Đề cương học phần thuộc bộ môn phụ trách, đảm bảo đúng tiến độ giảng dạy, học tập, lên kế hoạch giảng dạy, phân công giờ dạy cho từng giảng viên trong bộ môn;

b) Tổ chức xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến nhóm môn học được Trưởng khoa và Hiệu trưởng Nhà trường giao;

c) Triển khai công tác xây dựng, biên soạn và thẩm định đề thi; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên, sinh viên;

d) Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá

và tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

đ) Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của Trường và khoa; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Trường;

e) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn;

f) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của từng cá nhân của bộ môn theo yêu cầu của Hiệu trưởng và Trưởng khoa;

g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn.

3. Trưởng bộ môn phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, có trình độ tiến sĩ, lý luận chính trị sơ cấp trở lên. Đối với bộ môn chỉ giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương, nếu không có tiến sĩ có thể bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ làm trưởng bộ môn.

Trưởng bộ môn có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi bổ nhiệm của trưởng bộ môn thực hiện theo quy định.

4. Phó trưởng bộ môn phải có trình độ thạc sĩ, lý luận chính trị sơ cấp trở lên. Các quy định khác đối với phó trưởng bộ môn thực hiện tương tự như trưởng bộ môn.

5. Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 16. Phòng, ban, trung tâm

1. Các phòng, ban, trung tâm (gọi chung là đơn vị) có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao.

2. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị gồm: Trưởng đơn vị, Phó trưởng đơn vị và đội ngũ cán bộ viên chức của đơn vị.

3. Trưởng đơn vị là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các mặt công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Phó trưởng đơn vị là người giúp trưởng đơn vị trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phải có trình độ đại học và lý luận chính trị trung cấp trở lên.

5. Trưởng đơn vị có trình độ thạc sĩ (hoặc tương đương) trở lên. Riêng trưởng

các phòng Đào tạo, Đào tạo sau đại học, Khoa học và Đối ngoại phải có trình độ tiến sĩ và trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên.

6. Số lượng cấp phó tại các đơn vị: không quá 02 người.

7. Quy định về nhiệm kỳ, quy trình bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng, phó đơn vị thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 17. Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Vinh

1. Bệnh viện Trường ĐHYK Vinh được thành lập theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An. Bệnh viện Trường là đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự chủ toàn bộ về tài chính, trực thuộc và chịu sự quản lý của Trường ĐHYK Vinh, chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn của ngành Y tế và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật. Bệnh viện là đơn vị hạch toán độc lập có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng và được mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Trường thực hiện theo Khoản 1, 2, 3, 4, Điều 2, Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An. Giám đốc Bệnh viện Trường chịu trách nhiệm trước Trường ĐHYK Vinh, ngành y tế và pháp luật nhà nước về các hoạt động chuyên môn.

3. Quản lý tài chính, tài sản tại Bệnh viện Trường

a) Cơ chế quản lý tài chính của Bệnh viện Trường thực hiện theo Khoản 5, Điều 2, Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 05/7/2018; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; các quy định của pháp luật hiện hành khác và quy định của Trường.

b) Việc quản lý và sử dụng tài sản của Trường thực hiện theo Khoản 35, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14; Bệnh viện Trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích tài sản của Trường giao khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm bảo quản, bảo trì theo quy định; trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Đề án sử dụng tài sản công của Trường vào mục đích kinh doanh đối với loại hình khám chữa bệnh tại Bệnh viện Trường (thực hiện theo Điều 19, Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An) và các quy định hiện hành khác.

c) Giám đốc bệnh viện Trường chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên, trước Hiệu trưởng về toàn bộ công tác quản lý tài chính, tài sản tại Bệnh viện

Trường theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Trường, quy chế tổ chức, hoạt động của Bệnh viện Trường do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 18. Tạp chí Y dược học

1. Tạp chí Y dược học là cơ quan báo chí của Trường, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Nhà nước và của Trường.

2. Tổ chức và hoạt động của Tạp chí Y dược học được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Y dược học do Hiệu trưởng ban hành.

Mục 2. NHÂN SỰ

Điều 19. Đội ngũ viên chức, người lao động

Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường gồm có: viên chức và người lao động khối quản lý - hành chính, khối giảng dạy, khối nghiên cứu, khối khám chữa bệnh và khối cung cấp dịch vụ khác. Việc công nhận, bổ nhiệm và xếp lương của từng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn của viên chức, người lao động

Viên chức, người lao động của Trường phải đáp ứng những tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm được quy định tại văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước và quy định của Trường.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của viên chức, người lao động

Nhiệm vụ và quyền hạn của viên chức, người lao động được quy định tại Luật viên chức 2010; Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức sửa đổi 2019; Bộ luật lao động; Luật số 08/2012/QH13; Luật số 34/2018/QH14; Nghị định số 115/2020/ND-CP; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 20. Giảng viên

1. Giảng viên là người có nhân thân rõ ràng, có phẩm chất, đạo đức tốt, có sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; đạt trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật. Trường ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; phát triển, ưu đãi đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển đào tạo.

2. Chức danh giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật, của Quy chế này và quy định về vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng của Trường.

3. Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ, trừ chức danh trợ giảng và một số môn khoa học cơ bản (giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất); trình độ của các chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ là tiến sĩ.

4. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên: được thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 và Khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14.

Điều 21. Chính sách đối với giảng viên

1. Giảng viên được cử đi học tập, nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng tiền lương, các khoản phụ cấp theo quy định của pháp luật và của Trường; được tạo điều kiện để phát triển chuyên môn, nghiên cứu khoa học theo quy định của Trường.

2. Giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời Trường có nhu cầu.

3. Trường ban hành và thực hiện quy định về đánh giá hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của giảng viên phù hợp với các quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của Trường.

Điều 22. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên

1. Trường mời giảng viên thỉnh giảng, mời báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, nhân viên y tế có chuyên môn giỏi trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường.

2. Giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học; thực hiện các nhiệm vụ và được hưởng các quyền theo hợp đồng thỉnh giảng được ký kết giữa Hiệu trưởng với giảng viên thỉnh giảng.

Điều 23. Các hành vi giảng viên không được làm

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác.
2. Gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.
3. Lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

4. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật và của Trường.

Điều 24. Nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, thời hạn giữ chức vụ, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý

Nguyên tắc, trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm; thời hạn giữ chức vụ, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành: Luật số 34/2018/QH14, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, Nghị định 115/2020/NĐ-CP,

Quy định 18-QĐ/TU ngày 01/11/2022 của Tỉnh ủy Nghệ An, Hướng dẫn số 386/HD-SNV ngày 22/02.2023 của Sở Nội vụ Nghệ An. Cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc bổ nhiệm viên chức quản lý

Thực hiện theo Điều 12, Quy định 18-QĐ/TU.

2. Trách nhiệm, thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý

Đã được cụ thể hóa trong Quy định phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Trường Đại học Y khoa Vinh (Điều 8, 9, 10, 13).

3. Thời hạn giữ chức vụ

Đã được cụ thể hóa trong Quy định phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Trường Đại học Y khoa Vinh (Điều 15).

4. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn

Thực hiện theo Điều 15, Quy định số 18-QĐ/TU.

5. Độ tuổi bổ nhiệm

a. Viên chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cao hơn thì phải đủ tuổi để công tác trọn 01 (một) nhiệm kỳ tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b. Viên chức quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm, tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn chưa trọn 01 (một) nhiệm kỳ thì thời hạn bổ nhiệm lại tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

c. Có thể xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đối với trường hợp viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 2 năm công tác.

d. Viên chức được bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm theo quy định tại Điểm a khoản này.

6. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm

Đã được cụ thể hóa trong Quy định phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Trường Đại học Y khoa Vinh (Điều 16, 17).

Điều 25. Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức

Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thực hiện theo các quy định của pháp luật về viên chức, Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG

Mục 1. Hoạt động Đào tạo

Điều 26. Nội dung hoạt động đào tạo

1. Nội dung hoạt động đào tạo trình độ đại học, sau đại học trong Trường ĐHYK Vinh gồm:

- a) Mở ngành, chuyên ngành đào tạo;
- b) Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu;
- c) Xác định chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh;
- d) Tổ chức và quản lý đào tạo;
- đ) Đánh giá quá trình và kết quả dạy – học;
- e) Xét tốt nghiệp và cấp văn bằng, phụ lục văn bằng, chứng chỉ cho người học, quản lý văn bằng, chứng chỉ.

2. Nội dung hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng theo nhu cầu của người học (sau đây gọi là đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn) bao gồm:

- a) Xác định nhu cầu đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo;
- b) Xây dựng chương trình đào tạo và hệ thống học liệu;
- c) Tổ chức tuyển sinh; tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận cho người học sau khi hoàn thành khóa học.

Điều 27. Ngành nghề đào tạo

1. Trường được mở các ngành, chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học, sau đại học thuộc nhóm ngành sức khỏe và các ngành gần với khoa học sức khỏe theo danh mục ngành đào tạo của Nhà nước khi có đủ các điều kiện theo quy định về mở ngành đào tạo của Luật giáo dục đại học và các quy định hiện hành.

2. Trường được điều chỉnh quy mô, cơ cấu ngành nghề, trình độ, hình thức và loại hình đào tạo theo nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội và theo quy định pháp luật.

Điều 28. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được xác định theo ngành, nhóm ngành đào tạo trên cơ sở nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với các điều kiện về số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của Trường và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác;

Trường tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh; Công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, tỷ lệ có việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp; Bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

2. Tổ chức tuyển sinh: Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh và hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành, Trường xây dựng đề án tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định đối với các trình độ đào tạo.

Điều 29. Thời gian, chương trình đào tạo và giáo trình

1. Thời gian đào tạo

a) Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo. Số lượng tín chỉ cần tích lũy đối với mỗi trình độ được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Hiệu trưởng quyết định số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Thời gian đào tạo đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu của người học và theo thỏa thuận giữa Trường với người học hoặc đơn vị phối hợp tổ chức lớp học.

2. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Luật Giáo dục đại học và đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

a) Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng đối với một trình độ đào tạo của một ngành hoặc chuyên ngành đào tạo, bao gồm: điều kiện tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

b) Trường được tự chủ trong việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo phù hợp với các quy định của Pháp luật.

- Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tiếp thu, kế thừa và phát huy có chọn lọc chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội và điều kiện thực tế;

- Xây dựng thẩm định và triển khai các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để cập nhật và nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế;

c) Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung các chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và nhu cầu của xã hội.

d) Trường có thể sử dụng chương trình đào tạo của các cơ sở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép và đảm bảo quy định của pháp luật.

2. Giáo trình

a) Giáo trình giáo dục cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học bảo đảm

mục tiêu của các trình độ đào tạo của giáo dục; giáo trình được định kỳ rà soát, cập nhật theo quy định;

b) Hiệu trưởng tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình giáo dục để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập trong Trường theo quy định trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập;

c) Xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu, trang thiết bị dạy/ học đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy/học, phát huy tính chủ động, sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Trường thực hiện các quy định về sở hữu trí tuệ và bản quyền trong sử dụng giáo trình và công bố công trình khoa học và công nghệ.

Điều 30. Tổ chức, quản lý đào tạo

1. Tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện theo niên chế hoặc tín chỉ.

2. Căn cứ quy chế đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với các trình độ đào tạo, Hiệu trưởng ban hành các quy định cụ thể về quản lý hoạt động đào tạo đối với từng trình độ đào tạo.

3. Trường được thực hiện liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước theo quy định.

4. Trường được thỏa thuận, cam kết công nhận, chuyển đổi tín chỉ, kết quả học tập và các nội dung khác liên quan đến học tập khi thực hiện trao đổi sinh viên trong và ngoài nước trên cơ sở đảm bảo khối lượng của chương trình đào tạo.

5. Trường có trách nhiệm phối hợp với các bệnh viện, cơ sở y tế, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên.

6. Nhiệm vụ, quyền lợi và chế độ phụ cấp cho những người tham gia hoạt động giảng dạy như giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, kỹ thuật viên, trợ giảng được thực hiện theo quy định.

Điều 31. Đánh giá kết quả học tập của người học

1. Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội của người học trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định cụ thể của Trường tương ứng với các trình độ đào tạo.

2. Trường quy định công khai các phương pháp, quy trình kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo công bằng, khách quan, chính xác và xác định được mức độ tích lũy kiến thức và kỹ năng của người học trong quá trình đào tạo.

3. Căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với người học thuộc các trình độ đào tạo.

Điều 32. Hoạt động đào tạo liên tục, đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn

1. Hoạt động đào tạo liên tục, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn được thực hiện theo Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013, Thông tư số 26/2020/TT-BYT ngày 28/12/2020 của Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế và các quy định hiện hành khác; trên cơ sở nhu cầu của xã hội, năng lực của Trường, thông qua việc đăng ký hoặc đặt hàng của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

2. Trường chủ động xác định nhu cầu xã hội, kết nối, hợp tác với các đối tác để mở rộng hoạt động đào tạo liên tục, đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn; Tổ chức đào tạo linh hoạt và phù hợp yêu cầu của người học.

3. Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; in ấn, cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ đào tạo cho người học được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định của Nhà trường.

4. Thu, chi tài chính đối với hoạt động đào tạo liên tục, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn thực hiện theo quy định.

Điều 33. Quản lý văn bằng, chứng chỉ

1. Trường cấp văn bằng, phụ lục văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm cho người học khi có đủ điều kiện; Thực hiện việc in, cấp phát, quản lý văn bằng chứng chỉ theo quy định của pháp luật.

2. Trường thực hiện công khai các thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học trên cổng thông tin điện tử của Trường và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, giá trị văn bằng, chứng chỉ do Trường cấp theo quy định.

Mục 2. Hoạt động Khoa học và Công nghệ

Điều 34. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ của cơ sở giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục tự triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục hoạt động khoa học và công nghệ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng cơ sở giáo dục thành trung tâm văn hóa, khoa học và công nghệ của địa phương hoặc của cả nước.

4. Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển hoạt động khoa học và công

nghệ trong cơ sở giáo dục. Các chủ trương, chính sách về giáo dục phải được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng quốc tế.

Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trong hoạt động khoa học và công nghệ

1. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động khoa học công nghệ và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ; tạo điều kiện và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ;

3. Thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và quyết định của HĐQT, hội đồng đại học với mục đích ứng dụng, triển khai, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

4. Triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường

1. Tổ chức đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường.

2. Ban hành quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ trong nhà trường, các hoạt động gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chuyên khoa.

4. Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ, xây dựng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của nhà trường; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo nguyên tắc công khai, hiệu quả theo các quy định của pháp luật.

5. Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc.

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ.

Mục 3. Hoạt động Hợp tác trong nước và quốc tế

Điều 37. Mục tiêu hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế

1. Nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

2. Tạo điều kiện để Trường hội nhập và phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Đa dạng hóa các chương trình đào tạo đại học, hướng tới giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, thu hút sinh viên quốc tế đến học tập, thực tập góp phần thực hiện quốc tế hóa các chương trình đào tạo, tăng chỉ số sinh viên quốc tế của Trường.

4. Tạo cơ hội cho sinh viên được học tập, giao lưu, trau dồi kỹ năng với các trường trong nước và môi trường quốc tế

5. Góp phần quảng bá thương hiệu và nâng cao vị thế của Trường trong nước và trên trường quốc tế

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trong hoạt động hợp tác

1. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình hợp tác ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Trường phù hợp với mục tiêu hoạt động hợp tác được quy định của Luật Giáo dục đại học và chủ trương, chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

2. Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế theo thẩm quyền.

3. Thực hiện đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin, truyền thông về hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Được bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Quản lý sinh viên quốc tế đến học tập tại trường và sinh viên nhà trường đi học tập nước ngoài.

8. Tổ chức các chương trình hội nghị, hội thảo, tập huấn trong nước và quốc tế về các nội dung dạy học y học cả lý thuyết và thực hành.

9. Phát triển loại hình chương trình đào tạo liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo trên thế giới.

10. Chuyển giao công nghệ y sinh.

Điều 39. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường.

3. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế thiết thực, hiệu quả; thực hiện kiểm

tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường.

4. Phối hợp với các cơ quan hữu quan đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

Mục 4. Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục

Điều 40. Bảo đảm chất lượng giáo dục, mục tiêu và nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục

1. Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học là quá trình liên tục, mang tính hệ thống, bao gồm các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học bao gồm hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và hệ thống bảo đảm chất lượng bên ngoài thông qua cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

3. Mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục đại học:

- a) Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo;
- b) Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục của Trường trong từng giai đoạn nhất định;
- c) Làm căn cứ để Trường giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo;
- d) Làm cơ sở cho người học lựa chọn trường và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

4. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục

- a) Cơ sở giáo dục đại học;
- b) Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

5. Nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục:

- a) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật;
- b) Trung thực, công khai, minh bạch;
- c) Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.

Điều 41. Trách nhiệm của Trường trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của Trường.

2. Xây dựng chính sách, kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

3. Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học.

4. Duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, bao gồm đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; chương trình đào tạo, giáo trình,

tài liệu giảng dạy, học tập; phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở thực hành; nguồn lực tài chính, ký túc xá và cơ sở dịch vụ khác.

5. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục theo kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường và phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 42. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường về kiểm định chất lượng giáo dục

1. Chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

2. Tổ chức đơn vị chuyên trách quản lý, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

4. Được lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong số các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận để kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo.

5. Được khiếu nại, tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Chương IV. NGƯỜI HỌC

Điều 43. Người học

1. Người học là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại Trường.

2. Người học có vị trí trung tâm trong Trường, được Nhà trường đảm bảo điều kiện học tập, nghiên cứu và phát triển năng lực bản thân, phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình học tập.

3. Người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều được đăng ký dự tuyển và xét tuyển vào Trường.

4. Hiệu trưởng ban hành quy định công tác quản lý người học của Trường.

Điều 44. Quyền của người học

1. Quyền lợi của người học được thực hiện theo quy định tại Điều 83, Luật Giáo dục đại học số 43/2019/QH14; Điều 60, Luật số 08/2012/QH13 và Khoản 31, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14. Đối với người học là người nước ngoài thực

hiện quyền, nghĩa vụ, chế độ chính sách được quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BGDDT ngày 24/12/2018 về việc ban hành quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2. Đối với người học các chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định kí kết với Nhà nước thì theo quy định tại Điều 85, Luật Giáo dục đại học số 43/2019/QH14.

3. Các quyền lợi, chính sách khác theo quy định của pháp luật và quy định quản lý người học của Trường.

Điều 45. Nhiệm vụ của người học

1. Nhiệm vụ của người học được thực hiện theo quy định tại Điều 82, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Điều 60, Luật số 08/2012/QH13 và Khoản 31, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14. Đối với người học là người nước ngoài thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 12, Thông tư 30/2018/TT-BGDDT ngày 24/12/2018 về việc ban hành quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2. Đối với người học các chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định kí kết với Nhà nước thì theo quy định tại Điều 63 của Luật số 08/2012/QH13.

3. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định quản lý người học của Trường.

Điều 46. Chính sách đối với người học

1. Chính sách đối với người học được thực hiện theo quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Điều 62, Luật số 08/2012/QH13 và Khoản 2, Điều 2, Luật số 34/2018/QH14. Đối với người học là người nước ngoài thực hiện được hưởng chế độ chính sách quy định tại Thông tư 30/2018/TT-BGDDT ngày 24/12/2018 về việc ban hành quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2. Người học có kết quả học tập, nghiên cứu khoa học xuất sắc được hưởng các điều kiện ưu tiên trong học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và của Nhà trường.

Điều 47. Các hành vi người học không được làm

1. Các hành vi người học không được làm được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Điều 61, Luật số 08/2012/QH13.

2. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động trái pháp luật.

3. Các hành vi khác trong quy định quản lý người học của Trường.

Chương V. TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 48. Nguồn tài chính của Trường

Thực hiện theo Điều 11, 30, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 - Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó, nguồn tài chính của đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2) gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước

a) Kinh phí cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định; Kinh phí để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách hỗ trợ khác cho sinh viên (nếu có) theo quy định của Nhà nước;

b) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

c) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao; kinh phí được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng;

d) Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công (nếu có). Trường quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 7 Nghị định 60/2021/NĐ-CP.

2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trường, gồm:

a) Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công:

Thu học phí theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học và các quy định của Chính phủ về học phí;

Thu dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác; thu từ dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo.

b) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường, gồm:

- Nguồn thu từ nhận đặt hàng đào tạo, nghiên cứu của tổ chức và cá nhân; thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

- Nguồn thu từ hoạt động của Bệnh viện Trường (nguồn khấu hao tài sản cố định của Trường giao Bệnh viện Trường khai thác, sử dụng; tỷ lệ % kết quả chênh lệch thu - chi hàng năm của Bệnh viện Trường được Hội nghị Viên chức – Người lao động thông qua và nguồn thu hợp pháp khác);

- Nguồn thu từ các dịch vụ hỗ trợ đào tạo như hoạt động của Trung tâm Học liệu – Thư viện, cho thuê Ký túc xá, giữ xe, căng tin;

c) Thu từ cho thuê tài sản công: Trường thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công;

3. Nguồn thu phí được để lại Trường để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

4. Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

5. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật: thu từ lãi tiền gửi kho bạc, ngân hàng; quà biếu, tặng, cho của cựu sinh viên, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của Trường; nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 49. Các khoản chi

Thực hiện theo Điều 12, 13, 30, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 - Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó, các khoản chi thường xuyên giao tự chủ, chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2) gồm:

1. Chi thường xuyên giao tự chủ

Trường được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 5, Điều 48 Quy chế này để chi thường xuyên với một số nội dung chi được quy định như sau:

a. Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương

(1) Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, Trường chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có). Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, Trường tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của Trường.

(2) Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình tài chính, Trường được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp; quyết định mức lương chi trả cho viên chức, người lao động; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có). Trường xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện và phân phối tiền lương theo quy định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, làm căn cứ xây dựng quỹ lương kế hoạch hằng năm để chi trả cho viên chức và người lao động, đảm bảo cân đối về lợi ích của người lao động và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường, mức chi trả tiền lương cho viên chức và người lao động không được thấp hơn chế độ tiền lương do Nhà nước quy định. Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, Trường được trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau, mức dự phòng hằng năm không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện và phải đảm bảo sau khi trích lập, chênh lệch thu lớn hơn chi.

Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, Trường tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của Trường. Việc chi trả tiền lương cho người lao động trong Trường được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

b. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của Trường. Căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường, khả năng tài chính, Trường được quyết định mức chi cụ thể tương xứng với nhiệm vụ được giao và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

c. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý

(1) Đối với các nội dung chi đã có định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường và khả năng tài chính, Trường được quyết định mức chi theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và chịu trách nhiệm về đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo quy định Nhà nước;

(2) Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, Trường xây dựng mức chi cho phù hợp với nguồn tài chính của Trường và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về quyết định mức chi này.

d. Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật phí, lệ phí; chi thực hiện các hoạt động dịch vụ.

e. Trích lập các khoản dự phòng theo quy định.

f. Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

g. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a. Chi thường xuyên không giao tự chủ bao gồm:

(1) Chi thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao quy định tại điểm c khoản 1, Điều 48 Quy chế này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật đối với từng nguồn kinh phí;

(2) Chi mua sắm tài sản, sửa chữa lớn phục vụ công tác thu phí từ nguồn thu phí được để lại (phần được để lại chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác thu phí);

(3) Chi từ nguồn vay nợ, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

b. Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Nếu Trường được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Trường thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

c. Chế độ công tác phí nước ngoài, chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Chi học bổng khuyến khích học tập, miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên; các khoản chi hỗ trợ khác cho sinh viên (nếu có) theo quy định của Nhà nước. Chi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào chi phí hợp lý của Trường.

Điều 50. Quản lý tài chính

1. Hội đồng trường ban hành Quy chế quản lý tài chính. Trên cơ sở Quy chế tài chính, Hiệu trưởng ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ, Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan và thực tiễn của Trường.

2. Hiệu trưởng tổ chức thực hiện quản lý tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Trường; thực hiện công khai tài chính và thanh tra, kiểm toán hàng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Tài sản, quản lý và sử dụng tài sản

1. Tài sản của Trường được quản lý, sử dụng theo theo Luật quản lý sử dụng tài sản công.

2. Tài sản của Trường bao gồm: Đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng; các trang thiết bị và tài sản khác được Nhà nước giao cho Trường quản lý và sử dụng hoặc do Trường tự đầu tư mua sắm, xây dựng từ nguồn ngân sách của Nhà nước hoặc được biếu, tặng; thương hiệu, các sản phẩm hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng tài chính, tài sản của Trường, sở hữu trí tuệ.

3. Trường được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển giáo dục đại học, khoa học và công nghệ, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được quy định trong Quy chế Tài chính của Trường.

4. Đơn vị thuộc và trực thuộc Trường tiếp nhận, quản lý và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả tài sản của Nhà nước do Trường giao khai thác, sử dụng; có trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Trường và các tài sản khác do đơn vị tự mua sắm, tạo lập trong quá trình hoạt động; trích khấu hao tài sản theo quy định; báo cáo Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về kết quả công tác quản lý tài sản tại đơn vị theo Luật quản lý sử dụng tài sản công.

Chương VI. CÁC MỐI QUAN HỆ CHỦ YẾU CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 52. Quan hệ ngoài Trường

1. Quan hệ giữa Trường với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

a) Trường chịu sự quản lý trực tiếp và toàn diện của UBND tỉnh Nghệ An.

b) Hiệu trưởng báo cáo, phản ánh kịp thời với UBND tỉnh Nghệ An về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Trường; đề xuất quan điểm và biện pháp giải quyết; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khi được giao.

c) Trường chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc UBND tỉnh Nghệ An thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; góp phần tích cực vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chung của tỉnh.

2. Quan hệ giữa Trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Trường chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động giáo dục và đào tạo. Quan hệ của Trường với Bộ được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Hiệu trưởng báo cáo, phản ánh kịp thời với Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Trường và những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; đề xuất quan điểm và biện pháp giải quyết; tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi được giao.

c) Trường chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; góp phần tích cực vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chung của Bộ và của ngành Giáo dục.

3. Quan hệ giữa Trường với Bộ Y tế

a) Trường chịu sự quản lý về nội dung đào tạo chuyên ngành của Bộ Y tế. Quan hệ của Trường với Bộ được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Bộ Y tế.

b) Trường chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; góp phần tích cực vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chung của Bộ và của ngành Y tế.

4. Quan hệ giữa Trường với chính quyền địa phương

Hiệu trưởng chủ động phối hợp với chính quyền địa phương nơi Trường đặt cơ sở và có triển khai các hoạt động trong việc đảm bảo trật tự, an ninh, đảm bảo môi trường học tập, cảnh quan sư phạm, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào Trường; tham gia và góp phần thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Quan hệ giữa Trường với các Cơ sở thực hành

Quan hệ giữa Trường với các Cơ sở thực hành được thực hiện theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 5/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo trong khối ngành sức khỏe và các quy định khác của pháp luật.

Điều 53. Quan hệ trong Trường

1. Phân định trách nhiệm và quyền hạn giữa HĐT và Hiệu trưởng

a) Trách nhiệm và quyền hạn của HĐT thực hiện theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan, đã được cụ thể hóa trong Quy định về phân cấp quản lý và giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ tại Trường ĐHYK Vinh, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐT.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định cụ thể tại khoản 14, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14; Khoản 3 Điều 9 của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Mối quan hệ giữa Đảng ủy, Hội đồng Trường và Hiệu trưởng

a) Đảng ủy lãnh đạo toàn diện các mặt hoạt động của Trường.

b) HĐT là tổ chức quản trị Trường, chịu sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc thực hiện các nghị quyết của Đảng ủy và của các tổ chức đảng cấp trên.

c) Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động của Trường, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng ủy và của HĐT theo quy định pháp luật và các quy chế của Trường.

Đảng ủy – HĐT – Hiệu trưởng phối hợp công tác theo Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy – Hội đồng trường – Ban Giám hiệu của Trường ĐHYK Vinh.

3. Hiệu trưởng với Ban Chấp hành Công đoàn trường

a) Quan hệ giữa Hiệu trưởng với Ban Chấp hành Công đoàn Trường được thực hiện trên cơ sở quy định của Luật Giáo dục và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Ban Chấp hành Công đoàn có trách nhiệm phối hợp với Hiệu trưởng về kế hoạch hoạt động của Công đoàn Trường trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Trường.

c) Hiệu trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn phối hợp tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm theo kế hoạch.

d) Hiệu trưởng có trách nhiệm mời đại diện Ban Chấp hành Công đoàn tham dự các cuộc họp của Trường có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

đ) Ban Chấp hành Công đoàn chủ động đề xuất với Hiệu trưởng về giải pháp đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chế độ chính sách, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

e) Hiệu trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn phối hợp chặt chẽ để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, kỷ luật, phát động các phong trào thi đua...

g) Hiệu trưởng cần đảm bảo các điều kiện cần thiết cho Ban Chấp hành Công đoàn hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ của mình.

4. Hiệu trưởng với các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội khác

a) Các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội khác của Trường gồm Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên.

b) Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động và phát huy vai trò khi tham gia các hoạt động của Trường.

Chương VII. NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 54. Nguyên tắc làm việc

1. Đảng ủy lãnh đạo HĐT và Hiệu trưởng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Đảng ủy làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định bằng quyết nghị tập thể.

2. HĐT là tổ chức quản trị Nhà trường, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan, chịu sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc thực hiện các nghị quyết của Đảng ủy và pháp luật liên quan. HĐT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, quyết định bằng hình thức nghị quyết.

Mọi thành viên HĐT đều bình đẳng về trách nhiệm và quyền đối với việc ra quyết định của HĐT thông qua biểu quyết.

3. Hiệu trưởng là người đại diện trước pháp luật và là chủ tài khoản của Trường. Hiệu trưởng làm việc theo chế độ thủ trưởng, tuân thủ quy định của pháp luật, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo trong quản lý và điều hành hoạt động của Nhà trường theo pháp luật, theo kế hoạch của UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các nghị quyết của Đảng ủy, nghị quyết của HĐT. Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, trước Đảng ủy và HĐT về hoạt động của Nhà trường theo thẩm quyền.

4. Đảng ủy, HĐT và Hiệu trưởng xây dựng và ban hành quy chế phối hợp trong công tác bảo đảm tăng cường sự thống nhất, tránh chồng chéo trong tổ chức và hoạt động.

5. Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường tổ chức triển khai các nhiệm vụ của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Điều 55. Quy chế làm việc

1. Đảng ủy ban hành quy chế làm việc của Đảng ủy; HĐT ban hành Quy chế làm việc của HĐT; Hiệu trưởng ban hành quy chế làm việc của Trường, trong đó quy định chi tiết nguyên tắc làm việc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và quy trình quản lý Trường.

2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các cá nhân và tổ chức có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các Quy chế làm việc của Trường.

3. Trên cơ sở Quy chế làm việc của Trường, Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường xây dựng nội quy, quy chế làm việc của đơn vị đảm bảo sự vận hành của đơn vị và của Trường được thông suốt, minh bạch và hiệu quả, tuân thủ yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và không ngừng nâng cao năng suất và hiệu quả công tác.

Điều 56. Thực hiện dân chủ trong Trường

1. Nguyên tắc thực hiện dân chủ trong Trường

a) Mở rộng dân chủ phải đảm bảo có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch HĐT và Hiệu trưởng, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể và từng cá nhân trong xây dựng và phát triển Trường.

b) Thực hiện dân chủ trong Trường theo quy định tại Luật số 10/2022/QH15 – Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở (Chương III. Thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị); quyền phải đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; dân chủ

phải gắn liền với kỷ luật, kỷ cương trong Trường; thưởng, phạt nghiêm minh, đúng pháp luật và phù hợp với Quy chế này.

c) Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ, xâm phạm quyền tự do dân chủ, làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hoạt động của Trường.

d) Kiên quyết lên án và xử lý nghiêm các hành vi gây bè phái, mất đoàn kết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi làm việc, các hành vi tố cáo nặc danh, mạo danh và không đúng sự thật.

d) Thực hiện dân chủ trong Trường thông qua việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc hệ thống văn bản quy định nội bộ của Trường.

2. Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường

a) HĐT có trách nhiệm ban hành và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường.

b) Các đơn vị, công chức, viên chức, người lao động, người học trong Trường, các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường.

Điều 57. Phân công và phối hợp công tác

1. Giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng:

a) Hiệu trưởng phụ trách chung, là chủ tài khoản và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác, đồng thời phân công các Phó Hiệu trưởng phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

b) Các Phó Hiệu trưởng báo cáo với Hiệu trưởng chương trình, kế hoạch hoạt động. Sau khi được Hiệu trưởng đồng ý, các Phó Hiệu trưởng chủ động chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công tác và quyết định của mình về các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác được phân công.

c) Các Phó Hiệu trưởng phối hợp với nhau để giải quyết những công việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực.

d) Khi Hiệu trưởng vắng mặt, Hiệu trưởng ủy quyền cho một Phó Hiệu trưởng giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực Hiệu trưởng phụ trách.

2. Giữa Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng với Trường các khoa, phòng, ban, trung tâm, đơn vị (gọi chung là đơn vị):

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho Trường các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị và những công việc khác khi cần thiết;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, Trường các đơn vị báo cáo với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách lĩnh vực công tác của đơn vị về chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị. Sau khi được Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách đơn vị đồng ý, Trường đơn vị chủ động triển

khai thực hiện công việc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách về kết quả công tác và các quyết định của mình về các vấn đề thuộc đơn vị.

3. Giữa các đơn vị trong Trường

Mối quan hệ giữa các Trường đơn vị và các đơn vị với nhau là mối quan hệ bình đẳng, phối hợp, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 58. Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác

1. Căn cứ chủ trương, quan điểm chỉ đạo và chương trình công tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đảng ủy và HĐT, Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác hàng năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn báo cáo HĐT. Sau khi được HĐT phê duyệt, Hiệu trưởng xây dựng các kế hoạch công tác cụ thể, chỉ đạo tổ chức thực hiện, báo cáo và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, HĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào kế hoạch công tác của Nhà trường, Trường các đơn vị tổ chức xây dựng kế hoạch công tác năm, quý, tháng; chủ động triển khai thực hiện và báo cáo với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách đơn vị về tiến độ và kết quả thực hiện khi có yêu cầu.

Điều 59. Nguyên tắc hội họp

1. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy tổ chức các cuộc họp định kỳ 1 tháng một lần và họp đột xuất theo Quy chế làm việc của Đảng ủy Trường.

2. HĐT họp định kỳ 3 tháng một lần và họp đột xuất theo Quy chế làm việc của HĐT. Thường trực HĐT họp định kỳ 1 tháng một lần.

3. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng họp mỗi tháng 01 lần. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể triệu tập họp lãnh đạo bất thường.

4. Hiệu trưởng tổ chức họp giao ban mỗi tháng 01 lần để giải quyết công việc theo quy chế làm việc và thực tiễn của Nhà trường, thành phần gồm: Ban Giám hiệu và Trường các đơn vị, Đoàn thể trong trường.

5. Hội nghị viên chức và người lao động

Hàng năm, Hiệu trưởng giao Công đoàn Trường là đầu mối tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động của Trường nhằm kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác hàng năm; thảo luận, bàn bạc các biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của Trường; báo cáo công khai việc thu, chi, thanh quyết toán kinh phí trong năm; nghe HĐT báo cáo kết quả hoạt động của HĐT và kết quả giám sát của HĐT (việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường và trách nhiệm giải trình của hiệu trưởng; việc quản lý, sử

dụng tài chính, tài sản của Trường; việc thực hiện quyết nghị của HĐT); tiếp thu ý kiến góp ý của viên chức, người lao cho các hoạt động của Trường; bàn bạc các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống viên chức, người lao động; nghe Ban Thanh tra nhân dân báo cáo kết quả công tác thanh tra, bầu Ban Thanh tra nhân dân nhiệm kỳ mới (02 năm một lần) và tổ chức phát động phong trào thi đua sâu rộng trong viên chức, người lao động toàn Trường.

6. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường họp ít nhất một lần trong một học kỳ để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ và triển khai công tác sắp tới.

7. Các hội nghị chuyên môn, hội thảo khoa học và các cuộc họp cấp Trường thực hiện theo kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt.

8. Các cuộc họp, hội nghị đột xuất khác do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền quyết định triệu tập.

Điều 60. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Chế độ thông tin báo cáo của Hội đồng trường

a) HĐT được nhận các văn bản liên quan của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế, Tỉnh ủy - UBND tỉnh Nghệ An, Đảng ủy, Trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐT.

b) HĐT có quyền yêu cầu Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết, liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐT.

c) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường có trách nhiệm báo cáo, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin và tài liệu cần thiết, liên quan theo yêu cầu của HĐT.

d) HĐT có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan quản lý về hoạt động của HĐT theo định kỳ 6 tháng và hàng năm.

2. Chế độ thông tin, báo cáo của Ban giám hiệu

a) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền có trách nhiệm phổ biến và quán triệt tới cán bộ chủ chốt trong Trường về những vấn đề có liên quan tới Trường; các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước và của Trường; các chương trình, kế hoạch công tác năm, quý, tháng; nội dung các quan điểm, chủ trương và quyết định của Đảng ủy, HĐT và Hiệu trưởng có liên quan đến các đơn vị và cá nhân trong toàn Trường.

b) Trưởng các đơn vị có trách nhiệm phổ biến và quán triệt đến cán bộ viên chức của đơn vị về những vấn đề có liên quan đến đơn vị; các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước và của trường; các chương trình, kế hoạch công tác năm, quý, tháng của Trường và của đơn vị; các quan điểm, chủ trương và quyết định

của Đảng ủy và Ban Giám hiệu có liên quan đến đơn vị và cá nhân cán bộ viên chức của đơn vị và tổ chức mình.

c) Hàng tháng, Trưởng đơn vị phải báo cáo (bằng văn bản) với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách về tình hình công tác của đơn vị trong tháng và kế hoạch công tác tháng tiếp theo.

d) Trong trường hợp cần thiết, các Trưởng đơn vị phải báo cáo đột xuất về những vấn đề theo yêu cầu của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách.

đ) Trưởng bộ môn thuộc khoa có trách nhiệm báo cáo Trưởng khoa về kế hoạch và tình hình thực hiện nhiệm vụ của bộ môn theo quy định của Trưởng khoa.

e) Cán bộ của đơn vị có trách nhiệm chấp hành chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất theo quy định của Trưởng đơn vị.

Chương VIII. THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 61. Thanh tra, kiểm tra, giám sát

1. Trường chịu sự kiểm tra, thanh tra thường xuyên và đột xuất theo quyết định của UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện quy chế này và các quy định của pháp luật.

2. Hiệu trưởng chủ động tổ chức công tác tự kiểm tra và quyết định thanh tra các đơn vị thuộc Trường theo quy định về công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà nước và của Trường.

3. Ban Thanh tra nhân dân hoạt động theo quy tại Luật số 10/2022/QH15 – Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 60, 61, 62).

4. Hiệu trưởng tạo điều kiện cho các tổ chức thanh tra thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức.

5. HĐT thực hiện việc giám sát theo Quy chế giám sát của HĐT.

Điều 62. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân trong Trường thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của Quy chế này, có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ được khen thưởng theo quy định của Nhà nước và của Trường.

Điều 63. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân thuộc Trường làm trái với các quy định của Quy chế này và vi phạm các quy định của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo đúng quy định của Nhà nước và của Trường.

Chương IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 64. Tổ chức thực hiện

Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, viên chức, người lao động, người học của Trường ĐHYK Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các đơn vị hoặc cá nhân đề nghị bằng văn bản gửi Hiệu trưởng để trình Hội đồng trường xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thanh Tâm

